TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Lam

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên toà số 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Trung T** , sinh năm 1967.
Địa chỉ: Ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn*: Bà **Vũ Thị Mộng Đ** , sinh năm 1974.
Địa chỉ: Ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
(Anh T xin vắng mặt, chị Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông T trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Đ tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 20/12/1993. Đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên. Trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất hòa. Nguyên nhân bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên năm 2016 ông bà quyết định sống ly thân hiện cả hai đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 18/12/1998 và Trần Phúc L, sinh ngày 01/9/2007, hiện nay hai con chung đều đang sống chung với ông. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng. Riêng cháu Trần Quốc B đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Đ đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên toà số 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, nhưng bà Đ vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Thu. Về con chung: Giao cháu Trần Phúc L, sinh ngày 01/9/2007 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, bà Đ không cấp dưỡng. Riêng cháu Trần Quốc B, sinh ngày 18/12/1998 đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn ông Trần Trung T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị bà Vũ Thị Mộng Đ có nơi cư trú tại: Ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] ***Về việc xét xử vắng mặt đương sự*:**

Ngày 21/8/2023, nguyên đơn ông T gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Vũ Quốc D là em ruột của bà Đ cho biết hiện bà Đ đang sinh sống tại Mỹ, gia đình vẫn liên hệ bình thường với bà Đ nhưng ông D không đồng ý cung cấp được địa chỉ của bà Đ tại Mỹ, Tòa án đã Thông báo (tống đạt hợp lệ) lần thứ hai cho gia đình bà Đ biết việc Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của ông T để trình bày ý kiến nhưng bà Đ vẫn không có ý kiến. Do vậy căn cứ vào hướng dẫn của Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về việc hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên toà số 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, thông báo cho bị đơn biết phải có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng bà Đ vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt ông T và bà Đ.

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T và bà Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 20/12/1993. Căn cứ các Điều 9, Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân của ông T và bà Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo trình bày của ông T, trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Do bất hòa thường xuyên nên vợ chồng quyết định sống ly thân, từ đó đến nay ông T và bà Đ không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Đ đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Đ nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy bà Đ không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo Biên bản xác minh tại địa phương và gia đình bà Đ cho biết: Vợ chồng ông Trực, bà Đ có sống chung tại ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã, to tiếng còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo, vì mâu thuẫn nên hiện vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Đ đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc việc ông

T xin ly hôn với bà Đ là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trực.

[2.2] Về con chung: Theo ông T trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 18/12/1998 và Trần Phúc L, sinh ngày 01/9/2007, hiện nay con chung đang được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Đcấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của ông Trực, cũng như để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của con trẻ cần giao cháu Trần Phúc L, sinh ngày 01/9/2007 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời bà Đkhông cấp dưỡng nuôi con chung do ông T chưa yêu cầu. Riêng cháu Trần Quốc B, sinh ngày 18/12/1998 đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Đ vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: Theo ông T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà Đ vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Theo ông T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà Đ vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Ông T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 ; 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung T được ly hôn với bà Vũ Thị Mộng Đ .

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phúc L sinh ngày 01/9/2007 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Quốc B, sinh ngày 18/12/1998 đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Trung T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000009474 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi cư trú;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Xuân

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …. giờ …. phút ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Quang Phúc
- *Các Hội thẩm nhân dân:*1./ Bà Cao Thị Kim Phương

2**./** ông Nguyễn Khánh Thành

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Bích Thu, sinh năm 1986

HKTT: 60/B3, ấp Đức Long 3, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Chổ ở hiện nay: ấp 2, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Minh Đức, sinh năm 1986

Địa chỉ: 60/B3, ấp Đức Long 3, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà Đ vắng mặt tại phiên tòa).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1,Về áp dụng pháp luật:

Hội đồng xét xử thảo luận:Ý kiến của Hội thẩm Thành

Tố tụng: căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 235 ; 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Ý kiến của Hội thẩm Phương: Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm Thành

Ý kiên của Thẩm phán - chủ tọa: Nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân về áp dụng pháp luật.

Kết quả Biểu quyết, quyết định 3/3:

2,Về nội dung:

Hội đồng xét xử thảo luận: Ý kiến của Hội thẩm Thành:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị Mai Thị Bích Thu.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị Bích Thu và anh Bùi Minh Đức.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Thắng, sinh ngày 20/7/2005 cho bà Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T do bà Đ chưa yêu cầu.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiên của Hội thẩm Phương: Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm Thành.

Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa: Nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Kết quả: Biểu quyết, quyết định 3/3:

3. Về án phí: Hội đồng xét xử thảo luận: Ý kiến của Hội thẩm Thành:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Hội thẩm Phương: Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm Thành

Ý kiên của Thẩm phán - Chủ tọa: Nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

4. Về quyền kháng cáo: Hội đồng xét xử thảo luận:

Ý kiến của Hội thẩm Thành:

Ông T và bà Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ý kiên của Hội thẩm Phương: Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm Thành.

Ý kiên của Thẩm phán - Chủ tọa: Nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết, quyết định: **3/3**

Biên bản kết thúc hồi ….. giờ …… phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Lộ 25, h Thống Nhất,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc